BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2012/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2012*

THÔNG TƯ
Quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 117/2009/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 89/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định tiêu chí xác định làm căn cứ phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có hoạt động phát sinh chất thải trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ sở) và các cơ quan, tổ chức có liên quan đến các hoạt động xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Điều 2. Nguyên tắc và căn cứ xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

1. Việc xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải được tiến hành khách quan, công bằng, đúng pháp luật và các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; mức độ vi phạm của các hành vi gây ô nhiễm môi trường, bao gồm:

a) Hành vi xả nước thải, khí thải, bụi vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

b) Hành vi gây tiếng ồn, độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

c) Hành vi chôn lấp, thải vào đất, môi trường nước các chất gây ô nhiễm ở thể rắn, bùn làm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

2. Xác định mức độ vi phạm của hành vi gây ô nhiễm môi trường

a) Đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, mức độ vi phạm được xác định trên cơ sở thải lượng nước thải, lưu lượng khí thải và số lần vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường của các thông số môi trường đặc trưng có trong nước thải, khí thải, bụi của cơ sở;

b) Đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, mức độ vi phạm được xác định trên cơ sở số lần vượt quy chuẩn kỹ thuật về tiếng ồn, độ rung, đối tượng chịu tác động và thời điểm diễn ra hành vi;

c) Đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, mức độ vi phạm được xác định trên cơ sở số lần vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, nước ngầm, không khí xung quanh và môi trường đất của các thông số môi trường do các hành vi này gây ra.

3. Thông số môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường được xác định trên cơ sở kết quả quan trắc, giám sát thông số môi trường đó đối chiếu với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường tương ứng.

Điều 3. Thông số môi trường đặc trưng về nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung

1. Thông số môi trường đặc trưng về nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung của cơ sở được xác định như sau:

a) Các thông số môi trường về nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung được quy định phải quan trắc, giám sát định kỳ trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận;

b) Đối với các cơ sở không có các thông số môi trường quy định tại điểm a khoản này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào tính chất và loại hình hoạt động của cơ sở hoặc từng bộ phận của cơ sở, quyết định thông số môi trường đặc trưng về nước thải, khí thải của cơ sở theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và khoản 3 Điều 9 Thông tư này là cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ xác định, phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Điều 4. Tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường

Cơ sở gây ô nhiễm môi trường là cơ sở có 01 (một) thông số môi trường trở lên về nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nhưng không thuộc đối tượng quy định tại Điều 5, 6, 7, 8 và Điều 9 Thông tư này.

Điều 5. Tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về nước thải

Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là cơ sở vi phạm một trong các tiêu chí sau:

1. Có hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 2 lần đến dưới 5 lần và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có 2 hoặc 3 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 500 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp có chứa chất nguy hại hoặc thải lượng từ 1.000 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại;

b) Có 4 hoặc 5 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 200 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp có chứa chất nguy hại hoặc thải lượng từ 500 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại;

c) Có từ 6 thông số trở lên vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 100 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp có chứa chất nguy hại hoặc thải lượng từ 200 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại.

2. Có hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 5 lần đến dưới 10 lần và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có 2 hoặc 3 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 200 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 500 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại;

b) Có 4 hoặc 5 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 100 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 200m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại;

c) Có từ 6 thông số trở lên vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 50m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 100m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại.

3. Có hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 10 lần đến dưới 50 lần và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có 2 hoặc 3 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 100m^3/ngày (24 giờ) trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại trở lên hoặc thải lượng từ 200 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại;

b) Có 4 hoặc 5 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 50 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 100 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại;

c) Có từ 6 thông số trở lên vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 10 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 50 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại.

4. Có hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 50 lần trở lên và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có 1 đến 3 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 50 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 100 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại;

b) Có 4 hoặc 5 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải với thải lượng từ 10 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp có chứa chất thải nguy hại hoặc thải lượng từ 50 m^3/ngày (24 giờ) trở lên trong trường hợp không chứa chất nguy hại;

c) Có từ 6 thông số trở lên vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải.

5. Có hành vi xả nước thải có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

6. Có hành vi xả nước thải có pH bằng hoặc nhỏ hơn 2 (hai) hoặc lớn hơn 12,5 (mười hai phẩy năm).

Điều 6. Tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về khí thải, bụi

Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là cơ sở vi phạm một trong các tiêu chí sau:

1. Có hành vi thải khí, bụi vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 2 lần đến dưới 5 lần và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có 1 hoặc 2 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 2.000 m^3/giờ trở lên;

b) Có 3 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 1.000 m^3/giờ trở lên;

c) Có từ 4 thông số trở lên vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m^3/giờ trở lên.

2. Có hành vi thải khí, bụi vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 5 lần đến dưới 10 lần và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có 1 hoặc 2 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 1.000 m^3/giờ trở lên;

b) Có 3 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m^3/giờ trở lên;

c) Có từ 4 thông số trở lên vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 100 m^3/giờ trở lên.

3. Có hành vi thải khí, bụi vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 10 lần đến dưới 50 lần và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có 1 hoặc 2 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 500 m^3/giờ trở lên;

b) Có 3 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 100 m^3/giờ trở lên;

c) Có từ 4 thông số trở lên vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 50m^3/giờ trở lên.

4. Có hành vi thải khí, bụi vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 50 lần trở lên và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có 1 hoặc 2 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 100 m^3/giờ trở lên;

b) Có 3 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 50 m^3/giờ trở lên;

c) Có từ 4 thông số vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải trong trường hợp lưu lượng khí thải từ 10 m^3/giờ trở lên.

5. Thải khí, bụi có chứa chất phóng xạ gây nhiễm xạ môi trường vượt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 7. Tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về tiếng ồn

Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là cơ sở có hành vi gây ô nhiễm tiếng ồn có tính chất thường xuyên, liên tục thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Phát sinh tiếng ồn từ 65dBA trở lên tại khu vực cần đặc biệt yên tĩnh, bệnh viện, thư viện, nhà điều dưỡng hoặc từ 80dBA trở lên tại khu vực dân cư, khách sạn, nhà ở, cơ quan hành chính và thời điểm diễn ra hành vi trong khoảng thời gian từ 21 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

2. Phát sinh tiếng ồn từ 75dBA trở lên tại khu vực cần đặc biệt yên tĩnh, bệnh viện, thư viện, nhà điều dưỡng, nhà trẻ, trường học hoặc từ 90 dBA trở lên tại khu vực dân cư, khách sạn, nhà ở, cơ quan hành chính và thời điểm diễn ra hành vi trong khoảng thời gian từ 6 giờ đến 21 giờ.

Điều 8. Tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về độ rung

Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là cơ sở có hành vi gây ô nhiễm độ rung có tính chất thường xuyên, liên tục thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Phát sinh độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 1,5 lần trở lên và thời điểm diễn ra hành vi trong thời gian từ 21 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày

hôm sau đối với các khu vực cần có môi trường đặc biệt yên tĩnh, khu dân cư, khách sạn, nhà nghỉ, khu dân cư xen kẽ trong khu thương mại, dịch vụ và sản xuất.

2. Phát sinh độ rung vượt quy chuẩn kỹ thuật về độ rung từ 2 lần trở lên và thời điểm diễn ra hành vi trong khoảng thời gian từ 6 giờ đến 21 giờ đối với khu vực cần có môi trường đặc biệt yên tĩnh, khu dân cư, khách sạn, nhà nghỉ, cơ quan hành chính xen kẽ trong khu thương mại, dịch vụ và sản xuất.

Điều 9. Tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về chất thải rắn

1. Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng về chất thải rắn là cơ sở có hành vi chôn lấp, thải vào đất, môi trường nước các chất gây ô nhiễm ở thể rắn, bùn, làm ít nhất 01 (một) thông số môi trường của khu vực tiếp nhận chất thải rắn (môi trường đất, nước, không khí) về hóa chất, kim loại nặng vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 03 lần trở lên hoặc làm ít nhất 01 (một) thông số môi trường khác của khu vực tiếp nhận chất thải rắn vượt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường từ 05 lần trở lên.

2. Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào tính chất, thành phần của chất gây ô nhiễm ở thể rắn, bùn để xác định thông số môi trường của khu vực tiếp nhận chất thải nhằm xác định, phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2012. Các quy định tại Mục I, II Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phân loại và quyết định danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần phải xử lý hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Cách Tuyến

Phụ lục. Thông số môi trường đặc trưng về nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung của cơ sở

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Loại hình cơ sở	Thông số môi trường đặc trưng		Tiếng ồn, Độ rung
		Nước thải pH, TSS, màu, BOD_5, COD, tổng N, tổng P và	***Khí thải, bụi*** Bụi tổng, CO, NO_x, SO_2 và	
01	***Cơ sở dệt nhuộm, may mặc***			
	- Cơ sở dệt nhuộm	QCVN[1] 13:2008/BTNMT và nhiệt độ, dầu mỡ khoáng, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Fe, Cu, Clo dư	Anilin, Clo, H_2S	Tiếng ồn[2], độ rung[3]
	- Cơ sở may mặc	QCVN[1] 13:2008/BTNMT và nhiệt độ, dầu mỡ khoáng, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Fe, Cu, Clo dư		Tiếng ồn[2], độ rung[3]
	- Cơ sở sản xuất sợi tơ tằm và sợi nhận tạo	*QCVN[1] 13:2008/BTNMT và nhiệt độ, dầu mỡ khoáng, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Fe, Cu, Clo dư*		
	- Cơ sở giặt, tẩy; cơ sở giặt là công nghiệp	QCVN[1] 13:2008/BTNMT và nhiệt độ, dầu mỡ khoáng, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Fe, Cu, Clo dư	Clo	
02	***Cơ sở sản xuất thực phẩm, đồ uống***			
	- Cơ sở sản xuất bánh kẹo	Coliform		
	- Cơ sở sản xuất rượu, bia	Coliform		
	- Cơ sở sản xuất sữa	Amoni, Coliform		
	- Cơ sở sản xuất đồ hộp	Dầu mỡ động thực vật, Sulfua, Clorua, Amoni	H_2S, Methyl Mercaptan	

[1] *QCVN 13: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt may*
[2] *QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn*
[3] *QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung*

TT	Loại hình cơ sở	Thông số môi trường đặc trưng		Tiếng ồn, Độ rung
		Nước thải pH, TSS, màu, BOD_5, COD, tổng N, tổng P và	***Khí thải, bụi*** Bụi tổng, CO, NO_x, SO_2 và	
	- Cơ sở sản xuất nước giải khát, thực phẩm chức năng, nước đóng chai tinh khiết	Amoni, Clorua, dầu mỡ động thực vật, Sulfua		
	- Cơ sở chế biến dầu ăn	Amoni, Clorua, dầu mỡ động thực vật, Sulfua		
03	***Cơ sở khai khoáng***			
	- Cơ sở khai thác vật liệu xây dựng	Tổng hoạt độ phóng xạ α, tổng hoạt độ phóng xạ β	Bụi chứa Si	Tiếng ồn[2], độ rung[3]
	- Cơ sở khai thác khoáng sản kim loại	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, dầu mỡ khoáng, Xianua		Tiếng ồn[2], độ rung[3]
	- Cơ sở khai thác than	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, dầu mỡ khoáng, Xianua, Phenol	H_2S, Sulfua	Tiếng ồn[2], độ rung[3]
	- Cơ sở khai thác dầu thô và khí tự nhiên	QCVN[4] 35:2010/BTNMT và hàm lượng dầu		Tiếng ồn[2], độ rung[3]
04	***Cơ sở sản xuất sản phẩm từ kim loại***			
	- Cơ sở cơ khí, luyện kim	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, dầu mỡ khoáng, Xianua	As, Cd, Cu, Pb, Zn, bụi	Tiếng ồn[2], độ rung[3]
	- Cơ sở chế tạo máy, thiết bị	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, dầu mỡ khoáng, Xianua		Tiếng ồn[2], độ rung[3]
	- Cơ sở tái chế kim loại	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, dầu mỡ khoáng	As, Cd, Cu, Pb, Sb, Zn	

[4] *QCVN 35: 2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước khai thác thải từ các công trình dầu khí trên biển*

TT	Loại hình cơ sở	Thông số môi trường đặc trưng		Tiếng ồn, Độ rung
		Nước thải pH, TSS, màu, BOD_5, COD, tổng N, tổng P và	***Khí thải, bụi*** Bụi tổng, CO, NO_x, SO_2 và	
	- Cơ sở tái chế chất thải luyện kim, chất thải công nghiệp khác	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, dầu mỡ khoáng, Phenol, Xianua	As, Cd, Cu, Pb, Sb, Zn	
	- Cơ sở mạ kim loại	Cu, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Fe, Ni, Zn, Amoni, Phenol, Xianua	HCl, HNO_3, H_2SO_4	
	- Cơ sở sản xuất các thiết bị, linh kiện điện, điện tử	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, dầu mỡ khoáng		
	- Cơ sở cán thép, sản xuất nhôm định hình	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn	As, Cd, Cu, Pb, Sb, Zn	
05	***Cơ sở chế biến khoáng sản***			
	- Cơ sở chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, Amoni, Florua, dầu mỡ khoáng, Phenol, Sulfua, tổng hoạt độ α, tổng hoạt độ β, Xianua	HCl, HNO_3, H_2SO_4	
	- Cơ sở chế biến khoáng sản không sử dụng hóa chất	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, tổng hoạt độ α, tổng hoạt độ β		
06	***Cơ sở chế biến da***	Cr^{6+}, Cr^{3+}, dầu mỡ động thực vật , Sunfua	H_2S	
07	***Cơ sở sản xuất giấy và bột giấy***	QCVN[5] 12:2008/BTNMT và Halogen hữu cơ	Clo, H_2S	Tiếng ồn[2], độ rung[3]
08	***Cơ sở sản xuất, chế biến hóa chất***			
	- Cơ sở sản xuất hóa chất	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, Amoni, dầu mỡ khoáng, Phenol, Xinua	HCl, HNO_3, H_2S, H_2SO_4,	Tiếng ồn[2], độ rung[3]

[5] *QCVN 12: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy*

TT	Loại hình cơ sở	Thông số môi trường đặc trưng		Tiếng ồn, Độ rung
		Nước thải pH, TSS, màu, BOD_5, COD, tổng N, tổng P và	***Khí thải, bụi*** Bụi tổng, CO, NO_x, SO_2 và	
	- Cơ sở sản xuất phân urê	Amoni, Florua, Phenol, dầu mỡ khoáng	NH_3	Tiếng ồn[2], độ rung[3]
	- Cơ sở sản xuất phân lân	Flo, tổng hoạt độ α, tổng hoạt độ β	HF, HCl, HNO_3, H_2SO_4, NH_3	Tiếng ồn[2], độ rung[3]
	- Cơ sở sản xuất phân lân nung chảy	Flo, tổng hoạt độ α, tổng hoạt độ β	HF, HNO_3, H_2SO_4	
	- Cơ sở sản xuất Supe photphat	Flo, tổng hoạt độ α, tổng hoạt độ β	H_2SO_4	
	- Cơ sở lọc hóa dầu	Phenol, dầu mỡ khoáng		Tiếng ồn[2]
	- Kho xăng dầu	Dầu mỡ khoáng	Benzen, Toluen, Xylen	
	- Cửa hàng xăng dầu trong hoạt động kinh doanh, chiết nạp LPG, pha chế dầu nhờn	Dầu mỡ khoáng	Benzen, Toluen, Xylen	
	- Cơ sở sản xuất sản phẩm hóa dầu (chất hoạt động bề mặt, chất hóa dẻo, metanol)	Nhiệt độ, Phenol, Xianua	Benzen, Toluen, Xylen	Tiếng ồn[2]
	- Cơ sở sản xuất chất dẻo		Acetaldehyt, Anilin, n-Butyl axetat, Etyl axetat, Etyl ete, Phenol	Tiếng ồn[2]
	- Cơ sở sản xuất chất tẩy rửa, phụ gia	Clo, Phenol, Xianua		Tiếng ồn[2]
	- Cơ sở sản xuất dược phẩm, đông dược, hóa mỹ phẩm	Clo, Phenol, Xianua		Tiếng ồn[2]
	- Cơ sở gia công nhựa, phế liệu nhựa	Clo, Phenol, Xianua		

TT	Loại hình cơ sở	Thông số môi trường đặc trưng		Tiếng ồn, Độ rung
		Nước thải pH, TSS, màu, BOD_5, COD, tổng N, tổng P và	***Khí thải, bụi*** Bụi tổng, CO, NO_x, SO_2 và	
09	***Cơ sở sản xuất, chế biến cao su, mủ cao su***			
	- Cơ sở chế biến cao su, mủ cao su	QCVN[6] 01:2008/BTNMT	Clo, Amoniac, H_2S	
	- Cơ sở sản xuất giầy, cao su lưu hóa, săm lốp ô tô, máy kéo	Clo, Phenol, Xianua	H_2S	
10	***Cơ sở sản xuất thủy tinh***	Clo, Phenol, Xianua	Bụi chứa Si, HF	
11	***Cơ sở sản xuất gốm sứ***		Bụi chứa Si, HF	
12	***Cơ sở sản xuất điện năng***			
	- Cơ sở sản xuất điện bằng nhiệt điện	Nhiệt độ	QCVN[7] 22:2009/BTNMT	Tiếng ồn[2], độ rung[3]
	- Cơ sở sản xuất ắc quy	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, Amoni, dầu mỡ khoáng, Phenol, Xinua	As, Cd, Cu, Pb, Sb, Zn	
	- Cơ sở sản xuất pin	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, Amoni, dầu mỡ khoáng, Phenol, Xinua	As, Cd, Cu, Pb, Sb, Zn	
13	***Cơ sở sản xuất sử dụng nhiên liệu đốt***			
	- Cơ sở sản xuất sử dụng nhiên liệu đốt là dầu FO	Dầu mỡ khoáng		
	- Cơ sở sản xuất sử dụng nhiên liệu đốt là than đá, củi	Phenol, Xianua		

[6] *QCVN 01: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến cao su thiên nhiên*

[7] *QCVN 22: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện*

TT	Loại hình cơ sở	Thông số môi trường đặc trưng		Tiếng ồn, Độ rung
		Nước thải pH, TSS, màu, BOD_5, COD, tổng N, tổng P và	***Khí thải, bụi*** Bụi tổng, CO, NO_x, SO_2 và	
	- Cơ sở sản xuất sử dụng nhiên liệu đốt là vỏ hạt điều	Phenol, Xianua		
14	***Cơ sở chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp***			
	- Cơ sở chế biến mía đường	Coliform, nhiệt độ, Sunfua	H_2S	
	- Cơ sở chế biến cà phê	Coliform	NH_3	
	- Cơ sở chế biến tinh bột sắn	Amoni, Clo, Coliform, Sunfua, Xianua	H_2S, NH_3	
	- Cơ sở chế biến hạt điều	Phenol		
	- Cơ sở chế biến rau, củ, quả hạt	Clorua		
	- Cơ sở sản xuất bột ngọt	Phenol, Xianua		
	- Cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi	Amoni, Coliform, Sunfua	H_2S, NH_3, Metyl, Mercaptan	
	- Cơ sở xay xát, chế biến gạo	Coliform		
	- Cơ sở chế biến chè			
	- Cơ sở mây tre đan, chế biến gỗ có ngâm tẩm hóa học	Phenol	n-Butyl Axetat	
	- Cơ sở sản xuất hàng mỹ nghệ		n-Butyl Axetat	
15	***Cơ sở sản xuất phân hữu cơ, phân vi sinh***	Coliform	NH_3	
16	***Cơ sở chăn nuôi và chế biến sản phẩm chăn nuôi***			
	- Cơ sở chăn nuôi, trang trại chăn nuôi tập trung	QCVN[8] 01-14:2010/BNNPTNT, QCVN[9] 01-15:2010/BNNPTNT và Amoni, Coliform, Sunfua	H_2S, NH_3	
	- Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	Amoni, Coliform, dầu mỡ động thực vật, Sunfua	H_2S, NH_3, Metyl Mercaptan	

[8] *QCVN 01/14:2010/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học*

[9] *QCVN 01/14:2010/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học*

TT	Loại hình cơ sở	Thông số môi trường đặc trưng		Tiếng ồn, Độ rung
		Nước thải pH, TSS, màu, BOD_5, COD, tổng N, tổng P và	***Khí thải, bụi*** Bụi tổng, CO, NO_x, SO_2 và	
17	***Kho thuốc bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật***			
	Nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	Clo hữu cơ, lân hữu cơ, Phenol	Benzen, Metanol, Toluen, Xylen	
18	***Cơ sở vận chuyển, xử lý, chế biến chất thải***			
	- Cơ sở xử lý, chế biến chất thải rắn	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, Amoni, Coliform	Methyl Mercaptan	
	- Cơ sở tái chế, chôn lấp chất thải công nghiệp, y tế, chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, Amoni, Coliform	H_2S, NH_3, Methyl, Mercaptan	
	- Các kho, bãi của chủ thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại	Amoni, Coliform	H_2S, NH_3	
	- Các lò đốt chất thải công nghiệp, y tế, chất thải nguy hại		QCVN[10] 02:2008/ BTNMT, QCVN[11] 30:2010/BTNMT	
	- Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp tập trung	Coliform	Methyl Mercaptan	Tiếng ồn[2], độ rung[3]
19	***Cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng***			
	- Cơ sở sản xuất gạch ngói, xi măng, gạch lát, đá xẻ		HF	
	- Cơ sở sản xuất bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng	Dầu mỡ khoáng		

[10] *QCVN 02:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải rắn y tế*
[11] *QCVN 30:2010/ BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải công nghiệp*

TT	Loại hình cơ sở	Thông số môi trường đặc trưng		Tiếng ồn, Độ rung
		Nước thải pH, TSS, màu, BOD_5, COD, tổng N, tổng P và	***Khí thải, bụi*** Bụi tổng, CO, NO_x, SO_2 và	
20	***Các cơ sở nuôi trồng, chế biến thủy sản***			
	- Cơ sở nuôi trồng thủy sản	QCVN[12] 11:2008/BTNMT và Amoni, Coliform		
	- Cơ sở chế biến thủy sản	QCVN[12] 11:2008/BTNMT và Amoni, dầu mỡ động thực vật, clo dư, Coliform	Amoni, H_2S, Metyl Mercaptan	Tiếng ồn[2]
	- Cơ sở chế biến thức ăn thủy sản, phụ phẩm thủy sản, chế biến bột cá	QCVN[12] 11:2008/BTNMT và Amoni, dầu mỡ động thực vật, clo dư, Coliform	NH_3, H_2S, Metyl Mercaptan	
21	***Cơ sở khám chữa bệnh***	QCVN[13] 28:2010/BTNMT và Coliform, dầu mỡ động thực vật, Sulfua, Amoni, tổng hoạt độ α, tổng hoạt độ β	QCVN[10] 02:2008/BTNMT	
22	***Cơ sở sửa chữa, đóng mới các phương tiện giao thông***			
	- Nhà máy chế tạo ôtô, xe máy	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, Coliform, dầu mỡ khoáng		Tiếng ồn[2], độ rung[3]
	- Các bến xe khách, sân bay, nhà ga, tàu điện ngầm	Amoni, Coliform, dầu mỡ khoáng		
	- Các cơ sở rửa xe, bảo hành, sửa chữa xe máy, ô tô, đầu máy tàu hỏa	Coliform, dầu mỡ khoáng		
	- Cơ sở sửa chữa và đóng mới tàu thủy	Dầu mỡ khoáng, Phenol	HCN, HNO_3, SO_3	Tiếng ồn[2], độ rung[3]

[12] *QCVN 11:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản*
[13] *QCVN 28:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế*

TT	Loại hình cơ sở	Thông số môi trường đặc trưng		Tiếng ồn, Độ rung
		Nước thải pH, TSS, màu, BOD_5, COD, tổng N, tổng P và	***Khí thải, bụi*** Bụi tổng, CO, NO_x, SO_2 và	
	- Các cơ sở phá dỡ tàu thủy; vệ sinh súc rửa tàu dầu	Coliform, dầu mỡ khoáng		Tiếng ồn[2], độ rung[3]
	- Cảng biển và sông	Coliform, dầu mỡ khoáng		
23	***Các cơ sở phục vụ du lịch, nghỉ dưỡng***			
	- Nhà hàng, khách sạn	QCVN[14] 14:2008/BTNMT và TDS, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat, Coliform		Tiếng ồn[2]
	- Các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp, các dự án sân golf	QCVN[14] 14:2008/BTNMT và TDS, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat, Coliform		
	- Các cơ sở chữa bệnh, tắm từ nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, bùn thiên nhiên	Dầu mỡ động thực vật, Coliform		
24	***Các Viện, trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật, phòng thí nghiệm***	As, Cd, Cr^{6+}, Cr^{3+}, Cu, Fe, Hg, Mn, Ni, Pb, Sn, Zn, Coliform, dầu mỡ khoáng, Phenol, Xianua, tổng hoạt độ α, tổng hoạt độ β	HCl, H_2S, HNO_3, H_2SO_4, Benzen, Cloroform, Toluen, Xylen	
25	***Các cơ sở khác chưa nêu trong danh sách này***	Các QCVN tương ứng khi được ban hành	Các QCVN tương ứng khi được ban hành	

[14] *QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt*